

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 216 /2024/DS-PT
Ngày: 03/5/2024
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng
Bà Kiều Kim Xuân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Kim Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên;

Vào ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2024, về việc “*Tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐ-PT ngày 11/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chế Văn K**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số D, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- **Người làm chứng:** Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số D ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Chế Văn K trình bày:

Ngày 19/11/2019 ông K có cho bà Nguyễn Thị Bé B vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi cho vay ông K lấy biên nhận của chị Lê Thị Thùy D1 để cho bà B ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Ông K đã trực tiếp giao tiền cho bà B ngay sau khi làm biên nhận. Biên nhận không ghi lãi suất cho vay, nhưng hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng. Ông đồng ý xác định việc cho vay không có lãi. Thời hạn vay đến ngày 19/01/2020 trả. Khi đến hạn, nhiều lần ông K yêu cầu nhưng bà B không trả nợ.

Nay ông K yêu cầu bà B trả nợ gốc là 20.000.000 đồng, lãi tính từ tháng 01/2020 - 11/9/2023 là 7.494.000 đồng; tổng cộng 27.494.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông K trình bày, quá trình vay bà B có trả cho ông K 6.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. yêu cầu bà B trả nợ gốc và tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là tổng cộng là 44 tháng, lãi suất 0,83%/tháng, ông K đồng ý trừ 6.000.000 đồng bà B đã trả vào số tiền bà B phải trả.

Ông K không đồng ý với lời khai của ông D vì ông K không có nhận tiền gì của bà B từ ông D.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Năm 2019 (âl), bà có vay của ông K 20.000.000 đồng, bà có ký tên vào Biên nhận do phía ông K xuất trình nhưng không thống nhất với nội dung tờ biên nhận, vì cho rằng không có thỏa thuận về lãi và thời hạn như nội dung được ghi trong biên nhận. Sau khi vay tiền, bà B đã trả cho ông K tổng cộng là 20 lần, số tiền là 23.000.000 đồng, nên nay bà không còn nợ ông K.

Những lần trả tiền cho ông K là do bà B trực tiếp trả hoặc bà B nhờ ông Lê Hồng D trả dùm cho ông K, khi trả không làm biên nhận vì là chỗ bạn bè tin tưởng nhau. Ông D là người biết sự việc bà B trả tiền cho ông K 07 lần số tiền 8.000.000 đồng.

Bà B cho rằng việc vay tiền không thỏa thuận thời hạn mà ông K cho bà B trả dần và cũng không thỏa thuận việc trả lãi nhưng bà B đã trả cho ông K tổng cộng 23.000.000 đồng thì xem như bà đã trả ông K đủ 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và trả thêm 3.000.000 đồng coi như tình nghĩa.

Bà B và ông K thống nhất trình bày bà B chỉ vay 20.000.000 đồng của ông K, việc biên nhận ghi tên người cho vay là chị Lê Thị Thùy D1 là vì chị D1 là cháu ruột của ông K, ông K có mượn mẫu biên nhận của chị D1 để ghi B1 hạn cho bà B vay tiền. Bà B và ông K thống nhất không yêu cầu gì đối với chị D1.

Bà B không yêu cầu gì với ông D, ông D cũng không yêu cầu gì đối với số tiền mà B đã nhờ ông D trả cho ông K trong vụ án này và ông D cũng không yêu cầu gì với ông K.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chế Văn K.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ trả cho ông Chế Văn K số tiền nợ gốc trong hợp đồng vay được theo Biên nhận ngày 19/11/2019 và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 19.113.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu là 956.000 đồng.

Ông Chế Văn K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 940.000 đồng theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003765, ngày 07/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Ngày 24/11/2023 bà Nguyễn Thị Bé B kháng cáo yêu cầu xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn Chế Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Bé B trả nợ gốc lãi 19.113.000 đồng.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé B vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả nợ vay theo yêu cầu ông Chế Văn K.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm; Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Nguyễn Thị Bé B kháng cáo không đồng ý trả cho ông Chế Văn K số tiền 19.113.000 đồng. Xét thấy:

[1] Biên nhận ngày 19/11/2019 thể hiện bà Nguyễn Thị Bé B vay của Lê Thị Thùy D1 số tiền 20.000.000 đồng (BL 04). Tuy nhiên, ông K, bà Bé B và Lê Thị Thùy D1 thống nhất thừa nhận “Biên nhận” trên là của chị Thùy D1 (có mẫu sẵn) ông K lấy biên nhận của chị D1 để cho bà B vay tiền, tiền là của ông K giao cho bà B vay, chứ không phải bà B vay tiền của chị D1. Cho nên xác định bà Nguyễn Thị Bé B có vay của ông Chế Văn K số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp.

[2] Quá trình vay, bà Bé B cho rằng đã trả cho ông K tổng cộng 20 lần, số tiền là 23.000.000 đồng (trong đó bà có nhờ ông Lê Hồng D trả 07 lần số tiền

8.000.000đồng); Ông Lê Hồng D thì cho rằng có nhận tiền của Bà B nhờ trả dùm cho ông K, nhưng không nhớ rõ đã nhận tiền và trả ông K dùm bà B bao nhiêu tiền. Trình bày này của bà Bé B và ông D không phù hợp với chứng cứ khác, không được ông K thừa nhận; nhưng bà B không có căn cứ chứng minh đã trả cho ông Chế Văn K số tiền 23.000.000đồng (trong đó 20.000.000đồng tiền gốc và 3.000.000đồng tiền cho thêm xem như ơn nghĩa giữa hai bên).

[3] Cũng theo biên nhận ngày 19/11/2019 không ghi nghĩa vụ trả lãi, nhưng ông K trình bày là có thỏa thuận với bà B bằng lời nói về nghĩa vụ trả lãi. Trình bày của ông K không được bà B thừa nhận, nhưng ông K không có chứng cứ chứng minh bà B vay tiền có trả lãi.

[4] Tại Tòa án cấp sơ thẩm ông K thừa nhận thời gian vay tiền bà B đã có trả cho ông số tiền 6.000.000đồng và đồng ý trừ vào tiền nợ gốc vay (20.000.000đồng – 6.000.000đồng) = 14.000.000đồng nên số tiền gốc bà B còn phải trả cho ông K 14.000.000đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, cũng tại biên nhận trên có ghi thời hạn vay tiền (từ ngày 19/11/2019 – 19/01/2020) là 02 tháng. Đến hạn bà B không trả nợ vay cho ông K là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay đối với bên cho vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vậy nên việc ông K yêu cầu bà B trả lãi số tiền còn nợ là phù hợp. Theo đó, từ ngày 20/01/2020 – xét xử sơ thẩm là (44 tháng x 14.000.000đ x 0,83%/ tháng) = 5.112.000đồng là số tiền lãi bà B phải có nghĩa vụ trả cho ông K.

[5] Bà B thừa nhận có vay tiền của ông K và cho rằng đã trả xong nhưng không có căn cứ chứng minh. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

[6] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà B nên bà B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B, giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé B;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2023/DS-ST ngày 02/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chế Văn K.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé B có nghĩa vụ trả cho ông Chế Văn K số tiền nợ gốc và lãi là 19.113.000 đồng (Mười chín triệu, một trăm mười ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu là 956.000 đồng.

Ông Chế Văn K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 940.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003765, ngày 07/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé B phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003436 ngày 08/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi gửi:

- Phòng KTNV & THA Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Chi Cục THADS h. L;
- Tòa án h. Lập Vò;
- Đường sự;
- Lưu hs vụ án (vh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N